

Bản án số: 224/2026/HNGĐ-ST

Ngày 25-6-2026

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Thanh Tâm.

Ông Nguyễn Thanh Rực.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Tiêu Thanh Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Cần Thơ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 267/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 542/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Lâm Thanh H, sinh ngày 17/7/2022, căn cước số 094096006459, ngày cấp 01/7/1996; Địa chỉ: Ấp H, phường V, thành phố Cần Thơ; địa chỉ liên hệ: Số A, khu phố B, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Chị Dương Thị Bé B, sinh ngày 10/9/1996, căn cước công dân số 094196007390, ngày cấp 29/12/2025; cư trú tại: Ấp D, xã L, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 01 tháng 4 năm 2026, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lâm Thanh H trình bày:

Về hôn nhân: Anh Lâm Thanh H và chị Dương Thị Bé B có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, đến ngày 13/5/2019 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã L, thành phố Cần Thơ) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu kết hôn vợ chồng chung

sống hạnh phúc, đến tháng 8/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên bất hòa trong cuộc sống không còn chung sống trong thời gian dài, anh chị ly thân từ tháng 01/2024 cho đến nay. Nay tình cảm không còn, anh H yêu cầu ly hôn với chị Bé B; về con chung: trong thời gian chung sống anh H và chị Bé B có hai người con chung tên là Lâm Thanh H1, sinh ngày 19/3/2016 và Lâm Thị Thanh H, sinh ngày 16/01/2018, hiện cháu H1 và cháu H2 đang sống chung với chị Bé B. Anh H yêu cầu giao con chung là Lâm Thanh H1 và Lâm Thị Thanh H cho chị Bé B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên, anh H không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Dương Thị Bé B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ: thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến hai lần mà vẫn vắng mặt không có lý do, chị Bé B không gửi văn bản nêu ý kiến đối với các yêu cầu của nguyên đơn cho Tòa án. Tại phiên tòa chị Bé B vắng mặt, nên không có ý kiến trình bày.

- Tại biên bản lấy lời khai của đương sự bà Trần Thị V ngày 27/5/2026, bà V bày: Chị Dương Thị Bé B là con ruột của bà V, chị Bé B đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng chị Bé B không đến Tòa án vì bận đi làm. Trong quá trình chung sống chị Bé B và anh H có hai con chung là Lâm Thanh H1, sinh ngày 19/3/2016 và Lâm Thị Thanh H, sinh ngày 16/01/2018, hiện nay cháu H1 và cháu H2 sống chung với bà V, sau khi ly hôn vào năm 2024, chị Bé B về nhà bà V sống, sau đó đi làm thỉnh thoảng về thăm nhà.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Cần Thơ tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án: kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về hôn nhân: xử cho anh H ly hôn với chị Bé B; về con chung: giao con chung là Lâm Thanh H1, sinh ngày 19/3/2016 và Lâm Thị Thanh H, sinh ngày 16/01/2018 cho chị Bé B nuôi dưỡng cho đến khi thành niên, anh H không cấp dưỡng; tài sản chung và nợ chung: anh H không yêu cầu, không xem xét; buộc nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn đang cư trú tại Ấp D, xã L, thành phố Cần Thơ, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Cần Thơ theo Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Quan hệ tranh chấp: nguyên đơn anh Lâm Thanh H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, yêu cầu nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: nguyên đơn anh Lâm Thanh H vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn chị Dương Thị Bé B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do; nguyên đơn anh H được triệu tập hợp lệ vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của anh H. Anh H và chị Bé B kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị có thời gian chung sống hạnh phúc, đến tháng 8/2023 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn sâu đậm. Anh H và chị Bé B không chung sống cùng nhau từ tháng 01/2024 cho đến nay. Từ đó đến nay, anh chị không có liên hệ để hàn gắn tình cảm nhằm đoàn tụ xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc. Xét hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên yêu cầu ly hôn của anh H được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: xét yêu cầu của anh H về con chung. Cháu Lâm Thanh H1, sinh ngày 19/3/2016 và Lâm Thị Thanh H, sinh ngày 16/01/2018 hiện đang sống chung với chị Bé B (do bà ngoại trông nom, chăm sóc), chị Bé B đã chăm sóc, nuôi dưỡng tốt cháu H1 và cháu H2, nguyện vọng của hai cháu là muốn sống với mẹ và bà ngoại. Xét việc cháu H1 và cháu H2 sống với chị Bé B đã ổn định, nên cần tiếp tục giao cháu H1 và cháu H2 cho chị Bé B nuôi dưỡng để không làm thay đổi môi trường sống và học tập của cháu H1 và cháu H2. Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình giao Lâm Thanh H1 và Lâm Thị Thanh H cho chị Bé B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H1 và cháu H2 thành niên. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho anh H không ai được cản trở. Anh H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con của chị Bé B. Chị Bé B không có ý kiến gì đối với

yêu cầu không cấp dưỡng của anh H, nên anh H không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Anh H không yêu cầu giải quyết, chị Bé B không có ý kiến đối với yêu cầu của anh H, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Như đã phân tích ở trên đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bé B không chịu án phí; anh H phải chịu án phí theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào 1 Điều 28, Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lâm Thanh H.

1. Về hôn nhân: cho anh Lâm Thanh H và chị Dương Thị Bé B ly hôn.

2. Về con chung: giao cháu Lâm Thanh H1 và cháu Lâm Thị Thanh H cho chị Bé B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H1 và cháu H2 thành niên. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho anh H không ai được cản trở. Anh H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con của chị Bé B. Anh H không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh H không yêu cầu, chị Bé B không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung, nên không đặt ra xem xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bé B không phải chịu án phí; anh H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình, nhưng anh H được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005973 ngày 01 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ, anh H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 9 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Ngoan